TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 660/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Phi Yến
2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 354/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ‘‘Ly hôn’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 307/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hồng L, sinh năm 1992

Địa chỉ: 281/43/8-8A đường V, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1986

Địa chỉ: 80/26 đường K, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/3/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn – bà Đặng Thị Hồng L trình bày: Bà và ông Lê Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2011, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã

và không thống nhất được quan điểm, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không thể giải quyết được nên từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã ly thân. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung là Lê Hoàng Gia H1, sinh ngày 11/02/2012 và Lê Hoàng Khả H2, sinh ngày 13/7/2018. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập cho ông Lê Thanh H để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Hoàng đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Lê Thanh H vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Đặng Thị Hồng L trình bày: Quá trình chung sống ông H mải chơi, không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, từ năm 2020 đến nay vợ chồng ly thân. Nay bà xin được ly hôn với ông H, xin được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông H không có tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, do ông H cư trú tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân

dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà L có mặt. Bị đơn – ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 213/2011; Quyển số: II/P.15 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Luyến yêu cầu được ly hôn với ông H vì quá trình chung sống không hạnh phúc, ông H không có trách nhiệm với gia đình, từ năm 2020 đến nay vợ chồng đã ly thân.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của bà L, ông H là trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, cho bà L được ly hôn ông H để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 127/2012; Quyển số: I/P.15 do UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/3/2012 và Bản sao Trích lục khai sinh số: 740/TLKS-BS ngày 18/7/2018 của UBND Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì trẻ Lê Hoàng Gia H1, sinh ngày 11/02/2012 và trẻ Lê Hoàng Khả H2, sinh ngày 13/7/2018 là con chung của bà Đặng Thị Hồng L và ông Lê Thanh H. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Gia H1, Khả H2 không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Trẻ Gia H1, Khả H2 còn nhỏ, là trẻ gái, bà L đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên để ổn định sinh hoạt, học hành của trẻ Gia H1, Khả H2 và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Gia H1 là muốn ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, quyết định giao trẻ Gia H1, Khả H2 cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H1, Khả H2 do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Gia H1, Khả H2 đối với ông H do bà L không yêu cầu.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông H có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, bà L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được cấn trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117,118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Đặng Thị Hồng L.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Hồng L được ly hôn ông Lê Thanh H.

b. Về quan hệ con chung: Giao trẻ Lê Hoàng Gia H1, sinh ngày 11/02/2012 và Lê Hoàng Khả H2, sinh ngày 13/7/2018 cho bà Đặng Thị Hồng L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Hoàng Gia H1, Lê Hoàng Khả H2 đối với ông Lê Thanh H do bà Đặng Thị Hồng L không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Hồng L trình bày không có, nếu sau này ông Lê Thanh H có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Đặng Thị Hồng L chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đặng Thị Hồng L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001720 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Hồng L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thanh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương